

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG PHONG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG PHONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG PHONG SERVICES AND COMMERCIALS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HOANG PHONG SC ., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108164892

**3. Ngày thành lập:** 09/02/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 231 Thanh Nhân, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình;; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ. (Điều 49 nghị định 59/2015/NĐ-CP);<br>Tư vấn quản lý dự án (Điều 63 Nghị định 59/2015/NĐ-CP);<br>Thi công xây dựng công trình (Điều 65 Nghị định 59/2015/NĐ-CP);<br>Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng (Điều 67 Nghị định 59/2015/NĐ-CP);<br>Tư vấn đấu thầu (Điều 113 Nghị định 63/2014/NĐ-CP) | 7110        |
| 2.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn về môi trường: Dịch vụ đánh giá tác động môi trường (Điều 13 Nghị định 18/2015/NĐ-CP);<br>Dịch vụ quan trắc môi trường (Điều 9 Nghị định 27/2013/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                                                                                        | 7490        |
| 3.  | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7020(Chính) |
| 4.  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7120        |
| 5.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1811        |
| 6.  | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1820        |
| 7.  | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3900        |

|     |                                                                                                                                                  |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                   | 4511 |
| 9.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                     | 4513 |
| 10. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                               | 4649 |
| 11. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                               | 4652 |
| 12. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                           | 4741 |
| 13. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4742 |
| 14. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                              | 4931 |
| 15. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                 | 4932 |
| 16. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                         | 8219 |
| 17. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>Dịch vụ tư vấn du học                                                                                    | 8560 |
| 18. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                   | 4933 |
| 19. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                 | 5610 |
| 20. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                             | 5629 |
| 21. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                          | 5630 |
| 22. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>Hoạt động trang trí nội thất;                                                                     | 7410 |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đầu giá) | 8299 |
| 24. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                         | 1812 |
| 25. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                          | 3320 |
| 26. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                              | 7730 |
| 27. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                              | 4651 |
| 28. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                          | 4772 |
| 29. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                           | 7710 |
| 30. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                              | 5229 |

|     |                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 31. | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật<br>Chi tiết:<br>Tư vấn chuyên giao công nghệ (Điều 4 Thông tư 08/2013/TT-BKHCN)<br>- Nghiên cứu và phát triển kỹ thuật và công nghệ; | 7210 |
| 32. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:- Hoạt động tư vấn đầu tư;                                                                                                        | 6619 |
| 33. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                   | 8211 |
| 34. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                         | 4659 |
| 35. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                           | 5621 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | BÙI THỊ HÀ LY | Số 231 Thanh Nhân, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông | 450.000    | 4.500.000.000         | 90,000    | 011898656                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số           | 450.000    | 4.500.000.000         | 90,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TRẦN THỊ HẠNH | Số 231 Thanh Nhân, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông | 25.000     | 250.000.000           | 5,000     | 011779600                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số           | 25.000     | 250.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | TẠ NHƯ PHƯƠNG | Số 231 Thanh Nhân, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông | 25.000     | 250.000.000           | 5,000     | 013624592                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                      | Tổng số           | 25.000     | 250.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI THỊ HÀ LY

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/04/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011898656

Ngày cấp: 03/03/2011

Nơi cấp: Công an Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 231 Thanh Nhàn, , Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 231 Thanh Nhàn, , Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội